

Số: 80/2019/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 12 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 130/2011/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 16/9/2011 của liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Để thực hiện Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Xét Tờ trình số 1057/TTr-UBND ngày 27/3/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2016/NQ-

HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh ban hành quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

1. Điều 1, Khoản 2, điểm a được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Quy định này không áp dụng đối với:

a) Dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa.”

2. Điều 3, Khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Thực hiện theo quy định tại Phụ lục II về danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.”

3. Điều 9, Khoản 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Đối với dự án đầu tư ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt, quy hoạch phát triển của cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố) đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thuộc danh mục lĩnh vực hoặc danh mục địa bàn khuyến khích đầu tư, ngân sách tỉnh sẽ đầu tư xây dựng đường giao thông (bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) để xây dựng đường giao thông dẫn đến chân hàng rào của dự án. Các công trình cấp điện, cấp nước,... các đơn vị chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi đầu tư xây dựng để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư.”

4. Điều 9, Khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đối với nhà đầu tư, đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng đường giao thông (bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng), điện trung thế, cấp nước từ điểm đầu nối đến chân hàng rào của dự án để xây dựng các công trình trên.”

5. Điều 12, Khoản 1, điểm a được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Đầu tư mới máy móc thiết bị công nghệ, kho lạnh cố định, kho lạnh di động (bao gồm xe tải đông lạnh và container lạnh) để chế biến, bảo quản thịt, cá, rau, củ, quả.”

6. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Hỗ trợ tư vấn tạo lập, thiết kế, đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ:

a) Nội dung hỗ trợ: Đối với nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích.

b) Mức hỗ trợ:

Đối với đơn đăng ký nhãn hiệu:

- Hỗ trợ tư vấn tạo lập, thiết kế, đăng ký bảo hộ trong nước: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện/đơn đăng ký nhãn hiệu nhưng tối đa không quá 08 triệu đồng/đơn đăng ký nhãn hiệu độc quyền và tối đa không quá 30 triệu đồng/đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể.

- Hỗ trợ tư vấn tạo lập, thiết kế, đăng ký bảo hộ quốc tế: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện/nhãn hiệu nhưng tối đa không quá 60 triệu đồng/đơn đăng ký nhãn hiệu (trong phạm vi 10 nước theo Thỏa ước Madrid).

- Mỗi tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 03 nhãn hiệu.

Đối với kiểu dáng công nghiệp:

- Tư vấn, thiết kế, đăng ký bảo hộ trong nước: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện/kiểu dáng nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng/đơn đăng ký kiểu dáng.

- Tư vấn, thiết kế, đăng ký bảo hộ quốc tế: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện/kiểu dáng nhưng tối đa không quá 60 triệu đồng/đơn đăng ký kiểu dáng (trong phạm vi 05 nước được chỉ định độc lập).

- Mỗi tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 02 kiểu dáng.

Đối với sáng chế, giải pháp hữu ích (gọi chung là giải pháp):

- Hỗ trợ trực tiếp trong quá trình thực hiện: 20 triệu đồng/giải pháp.

- Hỗ trợ tư vấn đăng ký bảo hộ độc quyền trong nước: 30 triệu đồng/đơn đăng ký giải pháp.

- Hỗ trợ tư vấn, đăng ký bảo hộ độc quyền quốc tế theo Hiệp ước PCT (Patent Cooperation Treaty): Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện/giải pháp nhưng tối đa không quá 60 triệu đồng/đơn đăng ký giải pháp.

2. Hỗ trợ công cụ cải tiến năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa:

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện việc xây dựng và áp dụng các công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: 5S, Kaizen, TQM, Lean 6 Sigma hoặc các công cụ cải tiến năng suất chất lượng khác.

b) Mức hỗ trợ

- Đối với doanh nghiệp siêu nhỏ: Hỗ trợ 20 triệu đồng/công cụ.

- Đối với doanh nghiệp nhỏ: Hỗ trợ 25 triệu đồng/công cụ.

- Đối với doanh nghiệp vừa: Hỗ trợ 30 triệu đồng/công cụ.

- Đối với tổ chức: Hỗ trợ 25 triệu đồng/công cụ.

- Mỗi tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 03 công cụ.

3. Hỗ trợ Hệ thống quản lý chất lượng

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí (đào tạo, tư vấn, đánh giá, chứng nhận) cho tổ chức, doanh nghiệp để xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng ISO: 9001, 14001, 17025, 22000, 27001, 50001, HACCP, SQF, GMP,... và các Hệ thống quản lý chất lượng khác.

b) Mức hỗ trợ

- Đối với doanh nghiệp siêu nhỏ: Hỗ trợ 60 triệu đồng/hệ thống.
- Đối với doanh nghiệp nhỏ: Hỗ trợ 80 triệu đồng/hệ thống.
- Đối với doanh nghiệp vừa: Hỗ trợ 100 triệu đồng/hệ thống.
- Đối với tổ chức: Hỗ trợ 80 triệu đồng/hệ thống.
- Mỗi tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 03 hệ thống.”

7. Điều 19, Khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trừ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư quy định tại Điều 8, hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng quy định tại Điều 9 và Khoản 1 Điều 10, các khoản hỗ trợ còn lại theo quy định này được thực hiện sau đầu tư.”

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Nhà đầu tư đang hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND tiếp tục được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đã cấp hoặc có quyền đề nghị hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết này đối với các nội dung ưu đãi, hỗ trợ đầu tư còn lại.

Căn cứ vào tình hình cân đối ngân sách hàng năm của địa phương, ngân sách tỉnh xem xét, bố trí kinh phí hỗ trợ cho từng dự án đầu tư phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; Thường trực, các Ban HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 12/4/2019 và có hiệu lực từ ngày 22/4/2019.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: TP, TC, KH và ĐT, CT;
- TT, TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TP, KHĐT, TC, CT, TN-MT, NN và PTNT, LĐ-TB và XH, VH-TT và DL, KH-CN, Cục thuế, Cục thống kê tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Trần Trí Dũng